

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST

Ngày 29/4/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Hề;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên;

**- Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/4/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 199\*;

Đăng ký HKTT: Số AB TT, phường QT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Thôn NĐ, xã NT, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

**Bị đơn:** Anh Phan Thành L, sinh năm 199\*;

Đăng ký HKTT: Số AB TT, phường QT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên;

Hiện đang thi hành án tại: Đội A, phân trại B, Trại giam TP - Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng - Bộ Công an.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (Con chung của chị H và anh L):  
Cháu Phan Đông N, sinh ngày 08/12/2018, hiện đang do chị H nuôi dưỡng.

Người đại diện hợp pháp cho cháu N: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Thành L - Là bố, mẹ đẻ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phan Thành L, sinh năm 199\* ở AB TT, phường QT, thành phố HY quen biết nhau do có người giới thiệu và có thời gian tìm hiểu khoảng 3 tháng thì tiến tới hôn nhân. Chị và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT ngày 25/01/2018, tổ chức đám cưới ngày 16/02/2018 âm lịch. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống với gia đình anh L khoảng một tuần thì chuyển về ND, NT, KD sinh sống cùng gia đình chị.

Chị và anh L chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L ham chơi, thường xuyên đi chơi qua đêm, thậm chí còn đi vài ngày mới về nhà. Chị và gia đình đã Nều lần tham gia, góp ý nhưng anh L không nghe. Do lười lao động, ham chơi, thường xuyên tụ tập với bạn bè xấu nên ngày 28/12/2018 anh L bị Công an thành phố Hưng Yên bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 23/4/2019 anh L bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xét xử, xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện anh L đang chấp hành án tại đội A, phân trại B, Trại giam TP - Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng - Bộ Công an. Từ khi anh L bị bắt cũng như khi anh L đi thi hành án, chị thường xuyên thăm nom, động viên và ký gửi tiền cho anh L. Từ cuối năm 2020 anh L muốn chị ký gửi mỗi tháng 02 triệu, nhưng chị không đồng ý, chỉ gửi cho anh L 01 triệu thì anh L có Nều lời lẽ xúc phạm chị và gia đình. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh L không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Bị đơn anh Phan Thành L trình bày: Anh và chị H tự do tự hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT ngày 25/01/2018. Sau khi kết hôn anh và chị H sinh sống bình thường và đã sinh được một con chung. Tháng 4/2019 anh bị TAND thành phố Hưng Yên xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, từ đó anh và chị H sống ly thân. Do vợ chồng sống xa cách nên tình cảm cũng bị phai nhạt, nhưng đến nay anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh L đều khẳng định vợ chồng có một con chung là cháu Phan Đông N, sinh ngày 08/12/2018 hiện đang ở với chị H. Ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh.

Về tài sản: Chị H và anh L đều xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai tài sản gì, không có công sức gì với hai bên gia đình nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh L. Anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L được ly hôn.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

+ Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phan Thành L có đăng ký HKTT tại: Số AB đường TT, phường QT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên hiện đang thi hành án tại: Đội A, phân trại B, Trại giam TP - Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng - Bộ Công an. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh L đã viết bản tự khai thể hiện quan điểm giải quyết vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xét xử vắng mặt anh L theo khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT ngày 25/01/2018, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H xác định sau 6 tháng kết hôn thì vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L lười lao động, ham chơi, bỏ qua mọi lời khuyên của chị và gia đình. Trong bản tự khai anh L không đề cập gì về mâu thuẫn vợ chồng và không đồng ý ly hôn, nhưng qua bản án số 12, ngày 23/4/2019 của TAND thành phố Hưng Yên thì thấy anh L đã Nều lần vi phạm pháp luật trước khi kết hôn với chị H; sau khi kết hôn anh L không lấy đó làm những bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, làm tròn trách Nệm với gia đình mà vẫn ham chơi, vẫn vi phạm pháp luật và phải đi cải tạo tập trung

đã chứng minh cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L thời gian quan không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được như chị H đã trình bày là đúng, do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của anh L mà cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được anh ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh L đều khẳng định vợ chồng có một con chung là cháu Phan Đông N, sinh ngày 08/12/2018 hiện đang ở với chị H. Chị H xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L cũng nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng nếu anh và chị H ly hôn.

Xét thấy anh L đang chấp hành án, cháu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang ở với chị H ổn định, khỏe mạnh nên cần tiếp tục giao cháu Phan Đông N cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện nay và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản: Chị H và anh L đều khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phan Thành L.
- Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Phan Đông N, sinh ngày 08/12/2018 hiện đang do chị H nuôi dưỡng.

Giao cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phan Đông N, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản*: Chị H và anh L đều khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001377, ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

- *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của chị H tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; thời hạn kháng cáo của anh L tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hưng Yên;
- UBND phường QT (ĐKKH số 04, ngày 25/01/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thương**